Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

# PHẦN DẪN NHẬP MÔN HỌC

## CHƯƠNG 1
## KHOA HỌC LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VÀ MÔN HỌC LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

### I. LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT LÀ MỘT KHOA HỌC XÃ HỘI

#### 1. Lý luận về nhà nước và pháp luật là một khoa học xã hội

Khoa học xã hội nghiên cứu những mặt khác nhau, các hiện tượng xã hội của xã hội loài người mà trong đó con người là trung tâm. Khoa học pháp lý - khoa học về nhà nước và pháp luật - là một bộ phận của khoa học xã hội. Khoa học lý luận về nhà nước và pháp luật là một ngành khoa học xã hội bởi nó nghiên cứu hai hiện tượng xã hội là nhà nước và pháp luật.

Nhà nước và pháp luật là những hiện tượng xã hội phức tạp và đa dạng được nhiều ngành khoa học xã hội nói chung và khoa học pháp lý nói riêng nghiên cứu ở những khía cạnh khác nhau. Chẳng hạn, triết học Mác - Lênin nghiên cứu nhà nước và pháp luật cùng với việc nghiên cứu các hiện tượng xã hội khác để rút ra những quy luật vận động và phát triển chung của xã hội; lịch sử nhà nước và pháp luật lại nghiên cứu nhà nước và pháp luật trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể để tìm ra những đặc thù trong sự phát triển của nhà nước và pháp luật trong từng hoàn cảnh cụ thể...

Các khoa học xã hội nghiên cứu những mặt khác nhau của xã hội loài người và toàn bộ hệ thống xã hội, đó là điều kiện sống của con người, những quan hệ xã hội, những kiểu và hình thức nhà nước và pháp luật, những hiện tượng thuộc thượng tầng kiến trúc tư tưởng như triết học, tôn giáo, nghệ thuật, văn hoá...

Khoa học pháp lý là một bộ phận của khoa học xã hội. Khoa học pháp lý nghiên cứu các phương diện xã hội, các quan hệ xã hội khi các phương diện xã hội và quan hệ đó được thể hiện dưới những hình thức pháp lý nhất định. Mục đích nghiên cứu của khoa học pháp lý không chỉ mang tính nhận thức đơn thuần về các hiện tượng, các quá trình về nhà nước và về pháp luật mà còn nhằm giải quyết những vấn đề của thực tiễn, của quá trình tổ chức và hoạt động của nhà nước, sử dụng công cụ pháp luật trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội, trong việc bảo vệ các quyền và lợi ích của con người, củng cố và duy trì trật tự xã hội.

Trong số các hướng nghiên cứu của khoa học pháp lý, có một hướng nghiên cứu có mức khái quát chung nhất, cao nhất, có tác động đến việc triển khai nghiên cứu trên các hướng tương đối cụ thể khác, đó là lý luận chung về nhà nước và pháp luật.

Lý luận về nhà nước và pháp luật là một ngành khoa học xã hội, cung cấp cho chúng ta những kiến thức chung về nhà nước và pháp luật, về vai trò xã hội và số phận lịch sử của nó. Lý luận về nhà nước và pháp luật được hình thành trên cơ sở các học thuyết khoa học và sự phát triển của xã hội. Các học thuyết khoa học tạo ra lập trường xuất phát và quan điểm tiếp cận cho lý luận về nhà nước và pháp luật. Trên cơ sở khoa học của các học thuyết về sự phát triển xã hội, lý luận về nhà nước và pháp luật làm sáng tỏ các vấn đề: nguyên nhân của sự xuất hiện, phát triển của nhà nước và pháp luật; vị trí, vai trò của nhà nước và pháp luật trong các hiện tượng xã hội; bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước và pháp luật .

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Lý luận về nhà nước và pháp luật với tư cách là một ngành khoa học độc lập trong hệ thống các ngành khoa học xã hội, vì thế nó có nhiệm vụ chính là tập trung nghiên cứu các hiện tượng nhà nước và pháp luật, bao gồm: những phạm trù, nguyên lý, kết luận chung về hiện tượng nhà nước và pháp luật nhằm nhận thức, giải thích nhà nước và pháp luật nói chung, tạo tiền đề và cơ sở để giải quyết các vấn đề của khoa học pháp lý cụ thể và hoạt động thực tiễn.

Như vậy, *lý luận về nhà nước và pháp luật là một ngành khoa học xã hội bao gồm một hệ thống các kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật nói chung. Hệ thống các kiến thức đó bao gồm các học thuyết, phạm trù, nguyên tắc, khái niệm, quan điểm khoa học... được sắp xếp, phân bố theo một trình tự lô gích nhất định cấu thành khoa học lý luận chung về nhà nước và pháp luật.*

**2.Vị trí của khoa học lý luận trong hệ thống các khoa học xã hội**

Với tư cách là một ngành khoa học xã hội, lý luận về nhà nước và pháp luật không tồn tại một cách biệt lập với các ngành khoa học xã hội khác mà nó có mối quan hệ mật thiết, qua lại, tác động chặt chẽ với các ngành khoa học xã hội khác. Bởi thế, trong nghiên cứu nhà nước và pháp luật, lý luận về nhà nước và pháp luật phải dựa và tổng thể những kiến thức khoa học, dựa vào phương pháp khoa học của nhiều khoa học xã hội khác, nhất là mối liên hệ với triết học, kinh tế chính trị học và chính trị học.

Triết học (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử) với tính cách là thế giới quan của khoa học hiện đại có vai trò đặc biệt to lớn đối với lý luận về nhà nước và pháp luật. Trong mối liên hệ với triết học duy vật biện chứng, triết học duy vật biện chứng đã trang bị cho lý luận về nhà nước và pháp luật phương pháp luận trong quá trình nghiên cứu. Đối với triết học duy vật lịch sử, lý luận về nhà nước và pháp luật là sự tiếp tục trực tiếp các nguyên lý triết học chung của chủ nghĩa duy vật lịch sử về bản chất của nhà nước và pháp luật, sự tác động qua lại của nhà nước và pháp luật với cơ sở kinh tế và sự biến đổi của chúng theo sự phát triển của đời sống xã hội. Tuy nhiên, chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là một bộ phận của triết học, là khoa học về các quy luật chung nhất của sự phát triển của tất cả các hiện tượng xã hội, còn đối tượng của lý luận về nhà nước và pháp luật chỉ là những quy luật của một bộ phận các hiện tượng xã hội ấy, đó là nhà nước và pháp luật.

Kinh tế học chính trị là khoa học về những quy luật quan hệ sản xuất - cơ sở kinh tế của xã hội. Những khái niệm của kinh tế chính trị học như: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, sở hữu... có ý nghĩa to lớn đối với lý luận về nhà nước và pháp luật. Bởi lẽ, lý luận về nhà nước và pháp luật nghiên cứu nhà nước và pháp luật là những hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng của xã hội, kinh tế chính trị học nghiên cứu những yếu tố thuộc cơ sở hạ tầng, vì thế lý luận chung về nhà nước và pháp luật sử dụng những kiến thức của khoa học kinh tế chính trị để làm rõ đối tượng nghiên cứu của mình.

Chính trị học nghiên cứu các quy luật và tính quy luật trong sự hình thành, phát triển của chính trị, của quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước cùng những cơ chế, phương thức, cách thức sử dụng các quy luật đó trong xã hội được tổ chức thành nhà nước. Khách thể nghiên cứu của chính trị học là tất cả những gì mà khi giải quyết chúng liên quan đến lợi ích giai cấp, lợi ích quốc gia. Có thể hiểu chính trị là mối quan hệ giữa các giai cấp, các cộng đồng, các quốc gia, các dân tộc; là sự tham gia của nhân dân vào giải quyết các công việc của nhà nước và của xã hội, là tổng hợp những

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

phương hướng, những mục tiêu được quy định bởi lợi ích cơ bản của giai cấp, của đảng phái; là thực tiễn hoạt động chính trị của các giai cấp, các đảng phái, nhà nước để thực hiện đường lối đã được lựa chọn nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra. Khách thể nghiên cứu của lý luận về nhà nước và pháp luật chỉ là nhà nước và pháp luật với tính cách là một bộ phận của đời sống chính trị. Nghiên cứu nhà nước và pháp luật, lý luận về nhà nước và pháp luật cần sử dụng những khái niệm của chính trị học như: quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước, quyền lực nhân dân, quan hệ chính trị, quan hệ giai cấp, đảng phái.v.v...

Không chỉ có mối quan hệ chặt chẽ, mật thiết với các ngành khoa học xã hội nói trên, lý luận về nhà nước và pháp luật còn có mối quan hệ mật thiết với các ngành khoa học pháp lý khác thuộc hệ thống khoa học pháp lý.

Hệ thống khoa học pháp lý là một chỉnh thể tạo nên một lĩnh vực chuyên biệt của nhận thức đó là luật học. Hệ thống có thể chia ra làm 3 nhóm theo những tính chất riêng:

*Thứ nhất,* các khoa học lý luận - lịch sử pháp lý gồm: lý luận về nhà nước và pháp luật, lịch sử nhà nước và pháp luật, lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý.

*Thứ hai,* các khoa học pháp lý chuyên ngành gồm: luật hiến pháp, luật hành chính, luật hình sự, luật dân sự, luật tố tụng hình sự, luật tố tụng dân sự, luật tài chính, luật kinh tế...

*Thứ ba,* các khoa học pháp lý ứng dụng gồm: điều tra tội phạm, thống kê tư pháp, tâm lý tư pháp, tội phạm học v.v...

Giữa lý luận về nhà nước và pháp luật và các ngành khoa học pháp lý khác có mối quan hệ biện chứng. Trong mối quan hệ này, lý luận về nhà nước và pháp luật đóng vai trò là khoa học pháp lý cơ sở. Những kết luận của của nó tạo nên cơ sở để các ngành khoa học pháp lý khác nghiên cứu đối tượng của mình, là phương pháp luận cho việc nghiên cứu của các ngành khoa học pháp lý. Những kết luận, nguyên lý của lý luận về nhà nước và pháp luật được ứng dụng trong việc nghiên cứu các vấn đề riêng của các ngành luật.

Mặt khác, lý luận về nhà nước và pháp luật lại dựa trên những tư liệu cụ thể của các khoa học pháp lý chuyên ngành, ứng dụng để khái quát nâng lên thành những nguyên lý, những phạm trù lý luận về nhà nước và pháp luật.

Như vậy, có thể nói rằng, *các khoa học pháp lý nghiên cứu những mặt, những thuộc tính, những bộ phận cụ thể hoặc lịch sử phát triển của nhà nước và pháp luật. Còn lý luận về nhà nước và pháp luật nghiên cứu những thuộc tính cơ bản, chung nhất của nhà nước và pháp luật, bản chất, vai trò xã hội, những quy luật đặc thù của sự xuất hiện, biến đổi, những hình thức tồn tại và phát triển cơ bản của chúng.*

Lý luận về nhà nước và pháp luật có vị trí đặc biệt trong khoa học pháp lý. Bởi vì nó xác định đặc tính của đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu của các môn khoa học chính trị - pháp lý khác. Các nguyên tắc, phạm trù cơ bản của lý luận về nhà nước và pháp luật là cơ sở để các ngành khoa học pháp lý khác xây dựng và làm phong phú thêm tri thức khoa học của ngành. Do vậy, lý luận về nhà nước và pháp luật là khoa học có vai trò là phương pháp luận đối với các ngành khoa học pháp lý khác.

## II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Là một ngành khoa học xã hội, lý luận về nhà nước và pháp luật có đối tượng nghiên cứu riêng của mình. Việc nghiên cứu làm sáng rõ đối tượng nghiên cứu của khoa học lý luận về nhà nước và pháp luật có ý nghĩa quan trọng về nguyên tắc, bởi vì đối tượng nghiên cứu không chỉ nêu rõ những nội dung cơ bản của khoa học đó mà còn xác định cả khuynh hướng nghiên cứu và nhiệm vụ của nó, đưa ra cơ sở cho sự phân định sự khác biệt giữa khoa học này với khoa học khác.

Nhà nước và pháp luật là những bộ phận thuộc kiến trúc thượng tầng, có mối quan hệ mật thiết với những hiện tượng, bộ phận khác trong thượng tầng kiến trúc cũng như cơ sở hạ tầng, vì thế nó được nhiều ngành khoa học khác nhau nghiên cứu. Lý luận về nhà nước và pháp luật với tư cách là một ngành khoa học pháp lý nhất nghiên cứu đồng thời cả hai hiện tượng nhà nước và pháp luật.

Nhà nước và pháp luật là hai hiện tượng xã hội có quan hệ mật thiết, gắn bó lẫn nhau, tồn tại không thể thiếu nhau. Trong sự xuất hiện và phát triển, giữa nhà nước và pháp luật có mối quan hệ hữu cơ, chúng tạo thành hạt nhân chính trị - pháp lý của thượng tầng kiến trúc của xã hội, nhà nước tồn tại không thể thiếu pháp luật, bởi vì theo nghĩa chung nhất, nhà nước là một tổ chức có hệ thống cơ cấu nhân sự trên một trật tự pháp lý được hình thành từ những quy định của pháp luật. Và ngược lại, pháp luật là sản phẩm của quyền lực nhà nước, thể hiện ý chí hợp quy luật và điều kiện khách quan mà nhà nước nhận thức được, nhưng chính nhà nước lại phụ thuộc vào pháp luật xuất phát từ nguyên tắc xã hội hợp pháp.

Lý luận về nhà nước và pháp luật nghiên cứu nhà nước và pháp luật một cách toàn diện. Đối tượng nghiên cứu của nó là những vấn đề chung, khái quát và cơ bản nhất, như:

- Các khái niệm, phạm trù về nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, vai trò, giá trị xã hội của nhà nước và pháp luật.

- Hệ thống các tri thức chung về nhà nước và pháp luật trong lịch sử: nhà nước và pháp luật chiếm hữu nô lệ, nhà nước và pháp luật phong kiến, nhà nước và pháp luật tư sản.

- Hệ thống các tri thức chung của kiểu nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa. Từ thực tiễn nhà nước và pháp luật của các nhà nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là thực tiễn của nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam để hình thành những khái niệm, những phạm trù thể hiện các mặt khác nhau của nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Hệ thống các tri thức nói trên là các tri thức chung, giữ vai trò chủ đạo, làm nền tảng cho việc nghiên cứu các khoa học pháp lý chuyên ngành và khoa học pháp lý ứng dụng. Nó cũng là hệ thống tri thức lý luận cần thiết cho hoạt động quản lý nhà nước.

*Tóm lại, đối tượng nghiên cứu của khoa học lý luận về nhà nước và pháp luật là những quy luật đặc thù của sự ra đời, hình thành, phát triển, những đặc tính chung và những biểu hiện quan trọng nhất của nhà nước và pháp luật.*

## III. PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA KHOA HỌC LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Để có quan niệm đầy đủ về phương pháp luận của khoa học lý luận về nhà nước và pháp luật, trước hết cần làm rõ khái niệm phương pháp.Theo định nghĩa được đưa ra trong Từ điển tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học- Viện Khoa học xã hội Việt Nam thì *:"phương pháp là cách thức nhận thức, nghiên cứu hiện tượng của tự*

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

*nhiên, đời sống xã hội*", qua đó, dưới dạng chung nhất phương pháp được hiểu là phương thức giúp tìm hiểu sự vật, hiện tượng và quá trình.

Phương pháp luận của lý luận về nhà nước và pháp luật là phương thức (lập trường xuất phát và quan điểm tiếp cận) nghiên cứu các hiện tượng nhà nước và pháp luật .

Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử cung cấp cho lý luận về nhà nước và pháp luật phương pháp luận. Nói một cách chính xác, các quy luật, nguyên tắc, phạm trù, khái niệm của triết học duy vật biện chứng và triết học duy vật lịch sử đã cung cấp khả năng nhận thức được một cách chung nhất, khái quát nhất và đầy đủ nhất hiên tượng nhà nước và pháp luật, vì thế nó trở thành phương pháp luận của lý luận chung về nhà nước và pháp luật.

Phương pháp luận Mác - Lênin đòi hỏi khi nghiên cứu nhà nước và pháp luật phải xuất phát từ hai quan điểm sau:

- *Quan điểm duy vật*: nhà nước và pháp luật phải được nghiên cứu trong mối liên hệ với đời sống vật chất của xã hội, coi đó là nguồn gốc sâu xa của sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của nhà nước và pháp luật.

- *Quan điểm biện chứng*: nghiên cứu nhà nước và pháp luật phải đặt trong sự vận động, phát triển, biến đổi, trong những mối liên hệ biện chứng và những mâu thuẫn vốn có của nó.

Những yêu cầu cơ bản của phương pháp luận Mác - xít đòi hỏi:

-*Thứ nhất*, nghiên cứu nhà nước và pháp luật phải ở trong sự phát triển lịch sử cụ thể. Nhà nước là tổ chức quyền lực chính trị của một quốc gia trong một giai đoạn lịch sử cụ thể. Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Vì thế, việc nghiên cứu chúng phải gắn với các điều kiện lịch sử cụ thể, tức là phải cân nhắc tất cả những đặc điểm và điều kiện đặc thù của sự tồn tại, phát triển của thực tiễn lịch sử cụ thể trong giai đoạn phát triển của nhà nước, của các quan hệ xã hội, chống giáo điều, rập khuôn, máy móc.

-*Thứ hai*, nghiên cứu nhà nước và pháp luật phải trong mối liên hệ biện chứng với các yếu tố quy định chúng. Nhà nước và pháp luật là những yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng của xã hội, bởi thế nó phải được xem xét trong mối quan hệ với cơ sở kinh tế - yếu tố quy định nó. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay, càng cần phải chú ý tới mối quan hệ không tách rời giữa nhà nước và pháp luật với các quan hệ kinh tế, quan hệ sở hữu. Mặt khác, vấn đề quan hệ giữa các giai cấp, các giai tầng và các nhóm xã hội cũng là những nhân tố tác động mạnh mẽ tới nhà nước và pháp luật. Bên cạnh đó, các yếu tố truyền thống dân tộc, tình hình quốc tế, hoàn cảnh tự nhiên cũng có những tác động nhất định tới sự tồn tại và phát triển của nhà nước và pháp luật. Do đó, khi nghiên cứu nhà nước và pháp luật chúng ta cần chú ý tới tất cả các yếu tố đó.

*Thứ ba*, nghiên cứu nhà nước và pháp luật phải trong trạng thái "động", tức là phải đặt nhà nước và pháp luật trong trạng thái vận động và phát triển của môi trường xã hội mà nó tồn tại. Thực tế đời sống xã hội và thực tế đời sống pháp lý đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu nhà nước và pháp luật. Phải từ thực tiễn thực hiện quyền lực nhà nước, hoạt động sáng tạo pháp luật, bảo vệ và áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước để hình thành, bổ sung và phát triển hệ thống các khái niệm, phạm

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

trù lý luận chung, chỉ đạo hoạt động thực tiễn. Tính đúng đắn của các lý thuyết khoa học về nhà nước và pháp luật phải được kiểm nghiệm trong đời sống thực tế.

Trên cơ sở phương pháp luận đã nêu ở trên, khoa học lý luận chung về nhà nước và pháp luật sử dụng hệ thống các phương pháp nghiên cứu gồm: trừu tượng khoa học, phân tích và tổng hợp, quy nạp và diễn dịch, xã hội học cụ thể, phân tích quy phạm, so sánh pháp luật .v.v...

- *Phương pháp trừu tượng khoa học* có vai trò rất quan trọng trong nghiên cứu nhà nước và pháp luật. Trừu tượng khoa học là phương pháp tư duy trên cơ sở tách cái chung khỏi các riêng, tạm thời gạt bỏ cái riêng, giữ lấy cái chung. Bằng cách trừu tượng hoá, gạt bỏ những cái ngẫu nhiên, thoáng qua, không ổn định để đi vào cái chung, cái tất yếu, ổn định, bản chất, tức là quy luật của khách thể. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật là một khoa học lý luận, nên để tạo nên một hệ thống kiến thức có tính khái quát, tất yếu phải sử dụng phương pháp trừu tượng khoa học.

- *Phương pháp phân tích và tổng hợp* được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu nhà nước và pháp luật. Phân tích là phương pháp phân chia cái toàn thể hay hiện tượng phức tạp ra thành những bộ phận hoặc những mặt, những yếu tố cấu thành đơn giản hơn. Nhờ phương pháp phân tích mà nhận thức một cách sâu sắc từng góc cạnh của hiện tượng nhà nước và pháp luật. Tổng hợp là phương pháp liên kết, thống nhất lại các bộ phận, các yếu tố, các mặt đã được phân tích, vạch ra mối liên hệ của chúng nhằm nhận thức sự vật hiện tượng trong tính tổng thể.

- *Phương pháp quy nạp* là đi từ nhận thức những sự vật riêng lẻ, từ những kinh nghiệm đến những nguyên lý chung, tức là phương pháp đi từ cái riêng đến cái chung; diễn dịch là phương pháp đi từ những tri thức chung đến tri thức về cái riêng.

- *Phương pháp phân tích thuần tuý quy phạm*: nghiên cứu các hiện tượng pháp lý, phân loại, xử lý làm sáng tỏ cấu trúc pháp lý của chúng, làm rõ mối quan hệ lô gích của các quy phạm pháp luật, qua đó khắc phục các mâu thuẫn.

- *Phương pháp so sánh pháp luật*: trên cơ sở của phương pháp này, các hiện tượng pháp lý, sự kiện pháp lý được nghiên cứu trong mối quan hệ so sánh với nhau. Việc so sánh có thể được tiến hành ở các mức độ khác nhau, từ việc so sánh hệ thống pháp luật với hệ thống pháp luật, ngành luật với ngành luật... trên cơ sở đó rút ra những nét giống nhau, khác nhau, đặc thù của các hiện tượng được nghiên cứu.

Tóm lại, khi nghiên cứu nhà nước và pháp luật, lý luận về nhà nước và pháp luật phải dựa trên cơ sở của phương pháp luận Mác - Lênin và cần sử dụng tổng thể các phương pháp nghiên cứu.

## IV. MÔN HỌC LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Trước hết cần phân biệt lý luận về nhà nước và pháp luật với tư cách là một ngành khoa học và lý luận về nhà nước và pháp luật với tư cách là một môn học. Khái niệm "môn học" hẹp hơn khái niệm "khoa học". Môn học lý luận về nhà nước và pháp luật không bao gồm tất cả kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, mà chỉ bao gồm hệ thống kiến thức của lý luận về nhà nước và pháp luật này được sắp xếp theo một chương trình cụ thể phù hợp với một đối tượng học viên, cán bộ nghiên cứu và thực tiễn nhất định.

Lý luận về nhà nước và pháp luật là một môn học pháp lý cơ sở. Môn học này bao gồm hệ thống tri thức chung, sâu sắc và toàn diện về nhà nước và pháp luật, là cơ sở lý luận để hình thành quan điểm hệ thống khi tiếp cận nghiên cứu các môn học

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

pháp lý cụ thể khác. Do vậy, cần phải nắm chắc những kiến thức của lý luận trước khi nghiên cứu các vấn đề khác của khoa học pháp lý. Môn học lý luận về nhà nước và pháp luật đóng vai trò quan trọng là khâu khai thông, định hướng cho việc nhận thức các môn học pháp lý chuyên ngành.

## CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Tại sao Khoa học lý luận chung về nhà nước và pháp luật lại là một ngành khoa học xã hội?
2. Phân tích đối tượng nghiên cứu của khoa học lý luận chung về nhà nước và pháp luật?
3. Phân tích phương pháp luận và phương pháp so sánh của khoa học lý luận chung về nhà nước và pháp luật?
4. Phân tích vị trí của khoa học lý luận chung về nhà nước và pháp luật trong hệ thống các khoa học pháp lý?
5. Phân biệt khoa học lý luận chung về nhà nước và pháp luật và môn học lý luận chung về nhà nước và pháp luật.

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

# PHẦN 1
# LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC
# CHƯƠNG II
# NGUỒN GỐC VÀ BẢN CHẤT CỦA NHÀ NƯỚC

## I. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM PHI MÁC XÍT VỀ NGUỒN GỐC VÀ BẢN CHẤT NHÀ NƯỚC

Nhà nước là một hiện tượng xã hội phức tạp, liên quan chặt chẽ tới lợi ích của giai cấp, tầng lợp và dân tộc. Để nhận thức đúng đắn hiện tượng nhà nước cần phải làm sáng tỏ hàng loạt vấn đề liên quan như: nguồn gốc xuất hiện nhà nước, bản chất của nhà nước .v.v...

Trong lịch sử chính trị - pháp lý, ngay từ thời kỳ cổ đại, trung đại và cận đại đã có nhiều nhà tư tưởng đề cập tới vấn đề nguồn gốc của nhà nước. Xuất phát từ các góc độ khác nhau, các nhà tư tưởng trong lịch sử đã có những lý giải khác nhau về vấn đề nguồn gốc của nhà nước.

*Những nhà tư tưởng theo thuyết thần học* (đại diện thời trung cổ Ph. Ácvin, thời kỳ tư sản có: Masiten, Koct...) cho rằng: Thượng đế là người sắp đặt mọi trật tự trong xã hội, nhà nước là do thượng đế sáng tạo ra để bảo vệ trật tự chung xã hội. Nhà nước là do đấng tối cao sinh ra, là sự thể hiện ý chí của chúa trời. Do vậy, quyền lực của nhà nước là hiện thân quyền lực của chúa, vì thế nó vĩnh cửu.

*Những người theo thuyết gia trưởng* (Arixtôt, philmer, Mikhailốp, Merđoóc.v.v...) cho rằng nhà nước ra đời là kết quả của sự phát triển gia đình, là hình thức tổ chức tự nhiên của cuộc sống con người, vì vậy, cũng như gia đình, nhà nước tồn tại trong mọi xã hội, quyền lực nhà nước, về thực chất cũng giống như quyền lực của người đứng đầu trong gia đình, nó chỉ là sự tiếp tục của quyền lực của người gia trưởng trong gia đình.

Vào thế kỷ XVI, XVII, XVIII, cùng với trào lưu cách mạng tư sản, trong lịch sử tư tưởng chính trị -- pháp lý đã xuất hiện nhiều quan điểm mới về nhà nước nói chung và về nguồn gốc của nó. *Thuyết khế ước xã hội* được hình thành trong điều kiện như vậy. Thuyết khế ước xã hội (đại diện tiêu biểu có: Grooxi, Xpirôza, gốp, Lôre, Rút xô .v.v...) cho rằng nhà nước ra đời là kết quả của một bản hợp đồng (khế ước) được ký kết giữa các thành viên sống trong trạng thái tự nhiên không có nhà nước. Về bản chất, nhà nước phản ánh lợi ích của các thành viên sống trong xã hội, lợi ích của mỗi thành viên đều được nhà nước ghi nhận và bảo vệ.

Với sự ra đời của thuyết khế ước xã hội đánh dấu một bước tiến trong nhận thức của con người về nguồn gốc nhà nước, đó là một cú đánh mạnh vào thành trì xã hội phong kiến, chống lại sự chuyên quyền, độc đoán của chế độ phong kiến. Theo học thuyết, chủ quyền trong nhà nước thuộc về nhân dân, và trong trường hợp nhà nước không làm tròn vai trò của mình, các quyền tự nhiên bị vi phạm thì khế ước sẽ bị mất hiệu lực, nhân dân có quyền lật đổ nhà nước và ký kết khế ước mới. Về mặt lịch sử, thuyết khế ước xã hội về nguồn gốc nhà nước có tính cách mạng và giá trị lịch sử to lớn, nó chứa đựng những yếu tố tiến bộ xã hội, coi nhà nước và quyền lực nhà nước là sản phẩm của sự vận động xã hội loài người. Tuy nhiên, thuyết khế ước xã hội vẫn có những hạn chế nhất định, về căn bản các nhà tư tưởng vẫn đứng trên lập trường quan điểm của chủ nghĩa duy tâm để giải thích sự xuất hiện của nhà nước,

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

bản chất của nhà nước và sự thay thế nhà nước. Nó chưa lý giải được nguồn gốc vật chất và bản chất giai cấp của nhà nước.

Ngày nay, trước những căn cứ khoa học và sự thật lịch sử, ngày càng có nhiều nhà tư tưởng tư sản thừa nhận nhà nước là sản phẩm của đấu trang giai cấp, là tổ chức quyền lực của xã hội có giai cấp, nhưng mặt khác họ vẫn không chịu thừa nhận bản chất giai cấp của nhà nước mà coi nhà nước vẫn là công cụ đứng ngoài bản chất giai cấp, không mang tính giai cấp, là cơ quan trọng tài để điều hoà mâu thuẫn giai cấp. Vì thế, trong lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý hiện một số học thuyết khác của các nhà tư tưởng tư sản về nguồn gốc nhà nước như : thuyết bạo lực, thuyết tâm lý xã hội. *Thuyết bạo lực cho rằng*: nhà nước xuất hiện trực tiếp từ việc sử dụng bạo lực của thị tộ này với thị tộc khác, thị tộc chiến thắng đã lập ra bộ máy đặc biệt (nhà nước) để nô dịch thị tộc chiến bại (đại diện cho những nhà tư tưởng theo học thuyết này là Gumplôvích, E. Đuyrinh, Kauxky). *Thuyết tâm lý lại cho rằng*: nhà nước xuất hiện do nhu cầu về tâm lý của con người nguyên thuỷ luôn muốn phụ thuộc vào các thủ lĩnh, giáo sỹ... Vì vậy, nhà nước là tổ chức của những siêu nhân có sự mạng lãnh đạo xã hội (đại diện cho những nhà tư tưởng theo học thuyết này là L.Petơrazitki, Phơređơ...).

Nhìn chung, tất cả các quan điểm trên hoặc do hạn chế về mặt lịch sử, hoặc do nhận thức còn thấp kém, hoặc do bị chi phối bởi lợi ích của giai cấp đã giải thích sai lệch nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của nhà nước. Các học thuyết đều gặp nhau ở điểm chung là xem xét nhà nước trong sự cô lập với những điều kiện chi phối nó, đặc biệt là không gắn nó với điều kiện vật chất đã sản sinh ra nó. Chính vì vậy, họ đều cho rằng nhà nước là vĩnh hằng, là của tất cả mọi người, không mang bản chất giai cấp, là công cụ để duy trì trật tự xã hội trong tình trạng ổn định, pháp triển và phồn vinh.

## II. NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC

Các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác - Lênin đã kế thừa có chọn lọc những hạt nhân hợp lý của các nhà tư tưởng trước đó, lần đầu tiên đã giải thích đúng đắn nguồn gốc xuất hiện nhà nước. Dựa trên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử đã chứng minh nhà nước không phải là hiện tượng vĩnh cửu, bất biến. Nhà nước là phạm trù lịch sử, có quá trình phát sinh, phát triển, tiêu vong. Nhà nước chỉ xuất hiện khi xã hội loài người phát triển đến một giai đoạn nhất định và sẽ tiêu vong khi những điều kiện khách quan cho sự tồn tại của nó mất đi.

### 1. Chế độ cộng sản nguyên thuỷ, tổ chức thị tộc - bộ lạc và quyền lực xã hội

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, chế độ cộng sản nguyên thuỷ là hình thái kinh tế - xã hội đầu tiên của xã hội loài người. Trong xã hội chưa phân chia giai cấp, chưa có nhà nước. Nhưng trong xã hội này lại chứa đựng những nguyên nhân làm xuất hiện nhà nước. Bởi vậy, việc nghiên cứu những đặc điểm của xã hội cộng sản nguyên thuỷ làm tiền đề cần thiết cho việc lý giải nguyên nhân xuất hiện của nhà nước và hiểu rõ bản chất của nó là hết sức cần thiết.

Nghiên cứu đặc điểm của xã hội cộng sản nguyên thuỷ phải xuất phát từ cơ sở kinh tế của nó. Xã hội cộng sản nguyên thuỷ được xây dựng trên nền tảng của phương thức sản xuất cộng sản nguyên thuỷ mà đặc trưng là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và phân phối bình đẳng của cải. Trong chế độ cộng sản nguyên thuỷ, do

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

trình độ phát triển của lực lượng sản xuất còn thấp kém, công cụ lao động còn thô sơ, sự hiểu biết về thế giới tự nhiên của người lao động còn lạc hậu, vì thế con người để kiếm sống và bảo vệ mình phải dựa vào nhau cùng chung sống, cùng lao động, cùng hưởng thành quả của lao động chung. Trong điều kiện đó nên không ai có tài sản riêng, không có người giàu, người nghèo, xã hội chưa phân chia thành giai cấp và không có đấu tranh giai cấp.

Từ chế độ kinh tế như vậy đã quyết định tổ chức xã hội của xã hội cộng sản nguyên thuỷ. Hình thức tổ chức xã hội và cách thức quản lý của xã hội cộng sản nguyên thuỷ rất đơn giản. Tế bào của xã hội cộng sản nguyên thuỷ là thị tộc. Thị tộc là kết quả của quá trình tiến hoá lâu dài của xã hội loài người, được xuất hiện khi xã hội đã phát triển tới một trình độ nhất định. Với tư cách là hình thức tổ chức và quản lý xã hội, thị tộc là một tổ chức lao động và sản xuất, một bộ máy kinh tế xã hội. Thị tộc được tổ chức trên cơ sở huyết thống, ở giai đoạn đầu do những điều kiện về kinh tế, hôn nhân chi phối, vì thế thị tộc được tổ chức theo chế độ mẫu hệ. Dần dần cùng với sự phát triển của kinh tế, sự thay đổi của xã hội và hôn nhân, chế độ mẫu hệ được thay thế bởi chế độ phụ hệ.

Trong thị tộc mọi thành viên đều tự do, bình đẳng, không một ai có đặc quyền, đặc lợi gì. Mặc dù trong xã hội cũng đã có sự phân chia lao động nhưng đó là sự phân chia trên cơ sở tự nhiên, theo giới tính hoặc lứa tuổi chứ chưa mang tính xã hội.

Thị tộc là hình thức tự quản đầu tiên trong xã hội. Để tổ chức và điều hành hoạt động chung của xã hội, thị tộc cũng đã có quyền lực và một hệ thống quản lý công việc của thị tộc. Quyền lực trong chế độ cộng sản nguyên thuỷ mới chỉ là quyền lực xã hội do toà xã hội tổ chức ra và phục vụ cho lợi ích của cả cộng đồng.

Hệ thống quản lý các công việc của thị tộc bao gồm:

Hội đồng thị tộc là tổ chức quyền lực tổ chức quyền lực cao nhất của thị tộc gồm những thành viên lớn tuổi của thị tộc. Hội đồng thị tộc quyết định tất cả các vấn đề quan trọng của thị tộc như tổ chức lao động sản xuất, giải quyết các tranh chấp nội bộ, tiến hành chiến tranh... Những quyết định của Hội đồng thị tộc là bắt buộc đối với tất cả mọi người.

Hội đồng thị tộc bầu ra người đứng đầu thị tộc như tù trưởng, thủ lĩnh quân sự để thực hiện quyền lực, quản lý các công việc chung. Những người đứng đầu thị tộc có quyền lực rất lớn, quyền lực này được tạo trên cơ sở uy tín cá nhân, họ có thể bị bãi miễn bất kỳ lúc nào nếu không còn uy tín và không được tập thể cộng đồng ủng hộ nữa. Những tù trưởng và thủ lĩnh quân sự không có bất kỳ một đặc quyền và đặc lợi nào so với các thành viên khác trong thị tộc.

Như vậy, trong xã hội cộng sản nguyên thuỷ đã tồn tại quyền lực, nhưng quyền lực này không phải là quyền lực đặc biệt do một giai cấp hay một cá nhân tổ chức ra, mà đó là quyền lực xã hội được tổ chức và thực hiện trên cơ sở dân chủ thực sự, quyền lực này xuất phát từ xã hội và phục vụ lợi ích của cả cộng đồng.

Cùng với tiến trình phát triển của xã hội, do sự thay đổi của các hình thức hôn nhân với sự cấm đoán hôn nhân trong nội bộ thị tộc đã hình thành nên chế độ hôn nhân ngoại tộc. Các thị tộc mà giữa chúng có quan hệ hôn nhân với nhau đã hợp thành bào tộc. Cùng với hôn nhân, nhiều yếu tố khác tác động đã làm cho một số bào tộc liên kết với nhau thành bộ lạc và đến giai đoạn cuối của chế độ cộng sản nguyên thuỷ thì các liên minh bộ lạc đã hình thành. Về cơ bản, tính chất của quyền lực, cách thức tổ chức quyền lực trong bào tộc, bộ lạc, liên minh bộ lạc vẫn dựa trên cơ sở những nguyên

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

tắc tổ chức quyền lực trong xã hội thị tộc, tuy nhiên, đến thời điểm này, ở mức độ nhất định, sự tập trung quyền lực đã cao hơn.

**2. Sự tan rã của tổ chức thị tộc và sự xuất hiện nhà nước**

Xã hội cộng sản nguyên thuỷ chưa biết đến nhà nước, nhưng chính trong lòng xã hội đó đã nảy sinh những tiền đề vật chất cho sự ra đời của nhà nước. Những nguyên nhân làm chế độ xã hội cộng sản nguyên thuỷ tan rã đồng thời cũng là những nguyên nhân xuất hiện nhà nước. Đóng vai trò quan trọng trong việc làm tan rã chế độ cộng sản nguyên thuỷ chuyển chế độ cộng sản nguyên thuỷ lên một hình thái kinh tế xã hội mới cao hơn đó là sự phân công lao động xã hội. Lịch sử xã hội cổ đại đã trải qua ba lần phân công lao động xã hội, đó là: 1, chăn nuôi tách khỏi trồng trọt; 2, thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp; 3, thương nghiệp xuất hiện.

Việc con người thuần dưỡng được động vật đã làm hình thành một ngành nghề mới, ở những nơi có điều kiện tốt cho chăn nuôi những đàn gia súc được phát triển đông đảo. Với sự phát triển mạnh nghề chăn nuôi đã tách khỏi trồng trọt.

Sau lần phân công lao động đầu tiên, cả chăn nuôi và trồng trọt đều phát triển với sự ứng dụng của chăn nuôi vào trồng trọt. Sản xuất phát triển kéo theo nhu cầu về sức lao động, để đáp ứng nhu cầu này, thay vì việc giết tù binh trong chiến tranh như trước kia, bây giờ tù binh đã được giữ lại để biến thành nô lệ.

Như vậy, sau lần phân công lao động đầu tiên, xã hội đã có những xáo trộn đáng kể, xuất hiện chế độ tư hữu, xã hội phân chia thành giai cấp chủ nô và nô lệ. Sự xuất hiện chế độ tư hữu còn làm thay đổi đáng kể quan hệ hôn nhân: hôn nhân một vợ một chồng đã thay thế hôn nhân đối ngẫu. Chế độ phụ hệ thay cho chế độ mẫu hệ.

Việc tìm ra kim loại và chế tạo công cụ bằng kim loại tạo khả năng tăng năng suất lao động. Nghề chế tạo kim loại, nghề dệt, nghề làm đồ gốm, chế biến sản phẩm nông nghiệp.v.v... này càng phát triển. Điều này đã dẫn đến việc thủ công nghiệp tách khỏi trồng trọt thành một nghề độc lập. Hậu quả của lần phân công lao động thứ hai này đã làm xã hội hoá lực lượng nô lệ. Quá trình phân hoá xã hội đẩy nhanh, sự phân biệt giàu nghèo, mâu thuẫn giai cấp ngày càng trở nên sâu sắc.

Với việc xuất hiện nhiều ngành nghề chuyên môn trong sản xuất đã làm phát sinh nhu cầu trao đổi hàng hoá trong xã hội. Sự phát triển nền sản xuất hàng hoá dẫn đến sự phát triển của thương nghiệp và thương nghiệp đã tách ra thành một ngành hoạt động độc lập. Lần phân công lao động này đã làm thay đổi sâu sắc xã hội, với sự ra đời của tầng lớp thương nhân mặc dù họ là những người không trực tiếp tiến hành lao động sản xuất nhưng lại chi phối toàn bộ đời sống sản xuất của xã hội, bắt những người lao động, sản xuất lệ thuộc vào mình.

Qua ba lần phân công lao động xã hội đã làm cho nền kinh tế xã hội có sự biến chuyển sâu sắc, sản phẩm làm ra ngày càng nhiều, xuất hiện sản phẩm dư thừa, vì thế kéo theo hiện tượng chiếm của cải dư thừa làm của riêng. Quá trình phân hoá tài sản làm xuất hiện chế độ tư hữu và kéo theo là sự phân chia giai cấp trong xã hội.

Tất cả những yếu tố trên đã làm đảo lộn đời sống thị tộc, phá vỡ tính khép kín của thị tộc. Tổ chức thị tộc với hệ thống quản lý trước đây trở nên bất lực trước tình hình mới. Để điều hành xã hội mới cần phải có một tổ chức mới khác về chất. Tổ chức đó phải do những điều kiện nội tại của nó quy định, nó phải là công cụ quyền lực của giai cấp nắm ưu thế về kinh tế và nhằm thực hiện sự thống trị giai cấp, dập tắt các xung đột giai cấp, giữ cho các xung đột đó nằm trong vòng trật tự, đó chính là nhà nước.

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Như vậy, nhà nước xuất hiện trực tiếp từ sự tan rã của chế độ cộng sản nguyên thuỷ. Tiền đề kinh tế cho sự xuất hiện nhà nước là sự xuất hiện chế độ tư hữu về tài sản trong xã hội. Tiền đề kinh tế là cơ sở vật chất tạo ra tiền đề xã hội cho sự ra đời của nhà nước - đó là sự phân chia xã hội thành các giai cấp mà lợi ích cơ bản giữa các giai cấp và các tầng lớp này là đối kháng với nhau đến mức không thể điều hoà được.

Ngoài các yếu tố chung nói trên, sự xuất hiện nhà nước ở các vùng và của các dân tộc khác nhau cũng có những đặc điểm khác nhau do có các điều kiện kinh tế, xã hội và ngoại cảnh khác nhau. Theo Ph. Ăngghen có ba hình thức xuất hiện nhà nước điển hình.

***1. Nhà nước Aten:*** Đây là hình thức nhà nước thuần tuý cổ điển nhất. Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của Nhà nước Aten chủ yếu trên cơ sở phân hoá nội bộ xã hội thị tộc do sự phát triển của kinh tế và sự xuất hiện mâu thuẫn giai cấp đối kháng.

***2. Nhà nước La Mã:*** Nhà nước này ra đời trên cơ sở kết quả đấu tranh giữa giới bình dân chống lại giới quý tộc với chiến thắng của giới bình dân.

***3. Nhà nước Giéc Manh***: Đây là hình thức nhà nước được thiết lập sau chiến thắng của người Giéc Manh đối với đế quốc La Mã cổ đại. Nó ra đời do nhu cầu phải thực hiện sự quản lý trên lãnh thổ La Mã mà người Giéc Manh đã xâm chiếm được chứ không phải do đòi hỏi bức thiết của cuộc đấu tranh giai cấp trong nội bộ xã hội của người Giéc Manh.

Ơ các nước phương Đông, nhà nước xuất hiện khá sớm, khi chế độ tư hữu và sự phân chia giai cấp trong xã hội chưa ở mức cao. Nguyên nhân thúc đẩy sự ra đời của các nhà nước phương Đông là do nhu cầu trị thuỷ và chống giặc ngoại xâm.

Ở Việt Nam, nhà nước xuất hiện và khoảng thiên niên kỷ 2 trước công nguyên. Cũng như các nhà nước phương Đông khác, sự phân chia giai cấp trong xã hội cổ Việt Nam chưa đến mức gay gắt. Trong bối cảnh xã hội lúc bấy giờ, nhu cầu xây dựng, quản lý những công trình trị thuỷ đảm bảo nền sản xuất nông nghiệp và tổ chức lực lượng chống giặc ngoại xâm đã thúc đẩy quá trình liên kết các tộc người và hoàn thiện bộ máy quản lý. Kết quả này đã cho ra đời nhà nước Việt Nam đầu tiên - Nhà nước Văn lang của các Vua Hùng.

## III. BẢN CHẤT CỦA NHÀ NƯỚC

Nhà nước là sản phẩm của xã hội có giai cấp và là sự biểu hiện của sự không thể điều hoà được của các mâu thuẫn giai cấp đối kháng. Nhà nước là tổ chức quyền lực chính trị đặc biệt.

Để làm rõ bản chất của nhà nước cần phải xác định nhà nước đó của ai? Do giai cấp nào tổ chức nên và lãnh đạo? Phục vụ trước tiên cho lợi ích của giai cấp nào?

Trong xã hội có đối kháng giai cấp, sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác được thể hiện dưới ba hình thức: kinh tế, chính trị và tư tưởng. Trong ba quyền lực, quyền lực kinh tế đóng vai trò chủ đạo, là cơ sở để đảm bảo cho sự thống trị giai cấp. Quyền lực kinh tế tạo ra cho chủ sở hữu khả năng bắt những người khác phụ thuộc vào mình về mặt kinh tế. Tuy nhiên, bản thân quyền lực kinh tế lại không có khả năng duy trì quan hệ bóc lột, vì thế để bảo đảm cho quan hệ bóc lột, giai cấp nắm quyền lực kinh tế phải thông qua quyền lực chính trị.

Quyền lực chính trị xét về mặt bản chất là bạo lực có tổ chức của một giai cấp nhằm trấn áp các giai cấp khác trong xã hội. Thông qua nhà nước, giai cấp thống trị về kinh tế đã trở thành chủ thể của quyền lực chính trị. Nhờ nắm trong tay nhà

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

nước, giai cấp thống trị đã tổ chức và thực hiện quyền lực chính trị của mình, hợp pháp hoá ý chí của giai cấp mình thành ý chí nhà nước và như vậy buộc các giai cấp khác phải tuân theo trật tự phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị. Bằng cách đó giai cấp thống trị đã thực hiện sự chuyên chính của giai cấp mình đối với các giai cấp khác.

Để thực hiện sự chuyên chính giai cấp, giai cấp thống trị không đơn thuần chỉ sử dụng bạo lực cưỡng chế mà còn thông qua sự tác động về tư tưởng. Chính vì vậy, khi nắm trong tay quyền lực kinh tế và quyền lực chính trị, giai cấp thống trị còn thông qua nhà nước xây dựng hệ tư tưởng của giai cấp mình thành hệ tư tưởng thống trị trong xã hội, buộc các giai cấp khác phải lệ thuộc vào mình về mặt tư tưởng.

Như vậy, nhà nước là công cụ sắc bén thể hiện và thực hiện ý chí của giai cấp cầm quyền, bảo vệ trước tiên lợi ích của giai cấp thống trị trong xã hội.

Các nhà nước tuy khác nhau về bản chất giai cấp, điều này đã được các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra rằng: nhà nước là một hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng trên một cơ sở kinh tế nhất định, đó là công cụ để duy trì sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác. Về bản chất giai cấp của nhà nước, V.I Lênin đã nhận định: ”nhà nước là bộ máy để giai cấp này áp bức giai cấp khác, một bộ máy để duy trì dưới sự thống trị của một giai cấp tất cả các giai cấp bị lệ thuộc khác”.[(1)]

Khi xem xét bản chất của nhà nước, nếu chỉ đề cập đến bản chất giai cấp của nhà nước là phiến diện, bởi nhà nước còn mang trong mình một vai trò xã hội to lớn. Thực tiễn lịch sử đã chỉ ra rằng, một nhà nước không thể tồn tại nếu nó chỉ phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị mà không tính đến lợi ích các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội. Vì vậy, ngoài tư cách là công cụ bảo vệ, duy trì sự thống trị giai cấp, nhà nước còn là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn, bảo đảm lợi ích chung của xã hội. Trên thực tế, nhà nước nào cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết những vấn đề nảy sinh trong xã hội, bảo đảm cho xã hội được trật tự ổn định và phát triển, thực hiện một số chức năng phù hợp với yêu cầu chung của toàn xã hội và bảo đảm những lợi ích nhất định của các giai cấp và giai tầng khác trong chừng mực những lợi ích đó không mâu thuẫn gay gắt với lợi ích của giai cấp thống trị.

Qua những điều đã phân tích ở trên cho thấy rằng khi xác định bản chất của nhà nước phải dựa trên cơ sở đánh giá cơ cấu của xã hội, quan hệ giữa các giai cấp trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Trong mỗi hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, nhà nước có bản chất khác nhau.

Mặc dù có sự khác nhau về bản chất nhưng tất cả các nhà nước đều có chung các dấu hiệu. Những dấu hiệu đó là:

***Thứ nhất,*** nhà nước phân chia dân cư theo các đơn vị hành chính lãnh thổ.

Nếu trong xã hội cộng sản nguyên thuỷ, tổ chức thị tộc tập hợp các thành viên của mình theo dấu hiệu huyết thống thì nhà nước lại phân chia dân cư theo các đơn vị hành chính lãnh thổ không phụ thuộc vào huyết thống, nghề nghiệp hoặc giới tính. Việc phân chia này dẫn đến việc hình thành các cơ quan quản lý trên từng đơn vị hành chính lãnh thổ. Lãnh thổ là dấu hiệu đặc trưng riêng có của nhà nước, nhà nước thực thi quyền lực thống trị trên phạm vi toàn bộ lãnh thổ. Nhà nước nào cũng có lãnh thổ riêng, trên lãnh thổ đó được phân thành các đơn vị hành chính như tỉnh, huyện, xã... Do

---

(1) V.I Lênin: Toàn tập, NXB. Tiến bộ , M.1977(bản tiếng Việt). Tập 33, tr 87

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

có dấu hiệu lãnh thổ mà xuất hiện chế độ quốc tịch- chế định quy định mối quan hệ giữa nhà nước với công dân.

***Thứ hai,*** nhà nước thiết lập quyền lực công.

Nhà nước là tổ chức công quyền thiết lập một quyền lực đặc biệt không còn hoà nhập với dân cư như trong xã hội thị tộc mà "dường như" tách rời và đứng lên trên xã hội. Quyền lực này mang tính chính trị, giai cấp, được thực hiện bởi bộ máy cai trị, quân đội, toà án, cảnh sát... Như vậy, để thực hiện quyền lực, để quản lý xã hội, nhà nước có một tầng lớp người đặc biệt chuyên làm nhiệm vụ quản lý. Lớp người này được tổ chức thành các cơ quan nhà nước và hình thành một bộ máy thống trị có sức mạnh cưỡng chế để duy trì địa vị của giai cấp thống trị, bắt các giai cấp, tầng lớp khác phải phục tùng theo ý chí của mình.

***Thứ ba,*** nhà nước có chủ quyền quốc gia.

Nhà nước là một tổ chức quyền lực có chủ quyền. Chủ quyền quốc gia mang nội dung chính trị - pháp lý, thể hiện quyền tự quyết của nhà nước về mọi chính sách đối nội và đối ngoại, không phụ thuộc vào bất kỳ một yếu tố bên ngoài nào. Chủ quyền quốc gia là thuộc tính gắn liền với nhà nước. Chủ quyền quốc gia có tính tối cao. Tính tối cao của chủ quyền nhà nước thể hiện ở chỗ quyền lực của nhà nước phổ biến trên toàn bộ đất nước đối với tất cả dân cư và các tổ chức xã hội. Dấu hiệu chủ quyền nhà nước thể hiện sự độc lập, bình đẳng giữa các quốc gia với nhau không phân biệt quốc gia lớn hay nhỏ.

***Thứ tư,*** nhà nước ban hành pháp luật và buộc mọi thành viên xã hội phải thực hiện.

Nhà nước là người đại diện chính thống cho mọi thành viên trong xã hội, để thực hiện được sự quản lý đối với các thành viên, nhà nước ban hành pháp luật và bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế. Tất cả các quy định của nhà nước đối với mọi công dân được thể hiện trong pháp luật do nhà nước ban hành. Nhà nước và pháp luật có mối liên hệ chặt chẽ, tác động qua lại và phụ thuộc lẫn nhau; nhà nước không thể thực hiện được vai trò là người quản lý xã hội nếu không có pháp luật, ngược lại pháp luật phải thông qua nhà nước để ra đời. Trong xã hội có nhà nước chỉ có nhà nước mới có quyền ban hành pháp luật.

***Thứ năm,*** nhà nước quy định và tiến hành thu các loại thuế.

Để nuôi dưỡng bộ máy nhà nước và tiến hành các hoạt động quản lý đất nước, mọi nhà nước đều quy định và tiến hành thu các loại thuế bắt buộc đối với các dân cư của mình.

Trong xã hội có nhà nước không một thiết chế chính trị nào ngoài nhà nước có quyền quy định về thuế và thu các loại thuế.

Từ những phân tích ở trên về nguồn gốc, bản chất và những dấu hiệu của nhà nước, có thể đi đến một định nghĩa chung về nhà nước như sau: *nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, có bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện chức năng quản lý xã hội nhằm thể hiện và bảo vệ trước hết lợi ích của giai cấp thống trị trong xã hội có giai cấp đối kháng (của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản trong xã hội xã hội chủ nghĩa).*

## IV. VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG XÃ HỘI CÓ GIAI CẤP

Nhà nước và xã hội có giai cấp là hai hiện tượng có quan hệ biện chứng với nhau, giữa chúng vừa có sự thống nhất lại vừa có sự khác biệt với nhau. Tính thống

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

nhất của nó được thể hiện ở chỗ trong xã hội có giai cấp thì không thể thiếu nhà nước, đồng thời nhà nước chỉ xuất hiện, tồn tại và phát triển trong xã hội có giai cấp. Tuy nhiên, mặc dù có sự đồng nhất như đã nêu trên thì nhà nước và xã hội vẫn là hai hiện tượng khác biệt. Về mặt cơ cấu xã hội được hình thành từ những giai cấp và đẳng cấp khác nhau, còn nhà nước lại được cấu thành từ những thể chế pháp lý. Trong mối quan hệ qua lại giữa chúng, xã hội giữ vai trò quyết định, xã hội là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của nhà nước . Mọi sự biến đổi của xã hội sớm hay muộn cũng sẽ dẫn tới sự thay đổi tương ứng của nhà nước. Ngược lại, nhà nước cũng có sự tác động to lớn đến sự phát triển mọi mặt của xã hội.

Nhà nước là một bộ phận thuộc kiến trúc thượng tầng của xã hội nó có mối quan hệ mật thiết với các yếu tố khác thuộc kiến trúc thượng tầng và ở đây nó đóng vai trò trung tâm. Với tư cách là một bộ phận trong kiến trúc thượng tầng của xã hội nhà nước có quan hệ với cơ sở kinh tế - cơ sở hạ tầng của xã hội.

Trong mối quan hệ với cơ sở kinh tế, là một yếu tố thuộc kiến túc thượng tầng nên nhà nước được quy định bởi cơ sở kinh tế. Kinh tế quyết định từ sự xuất hiện của nhà nước, bản chất, chức năng, kiểu, hình thức và bộ máy nhà nước. Tuy vậy, nhà nước không phải bao giờ cũng phụ thuộc vào cơ sở kinh tế một cách tuyệt đối, mà nó có tính độc lập tương đối trong quan hệ với cơ sở kinh tế. Điều này được thể hiện: Hoặc nhà nước có tác động tích cực đến sự phát triển của cơ sở kinh tế, hoặc nhà nước có thể đóng vai trò tiêu cực, cản trở sự phát triển kinh tế.

Trong xã hội có giai cấp, ngoài nhà nước trong xã hội còn có nhiều thiết chế chính trị khác như: các đảng phái chính trị, các tổ chức xã hội, các thiết chế này hợp lại cùng với nhà nước tạo nên hệ thống chính trị. Trong hệ thống này nhà nước đóng vai trò trung tâm, vì rằng:

- Nhà nước là người đại diện chính thức cho tất cả các giai cấp và tầng lớp trong xã hội, vì thế nhà nước có cơ sở xã hội rộng nhất, tạo sự dễ dàng trong việc triển khai các quyết định tới từng công dân trong xã hội.

- Nhà nước là tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt, là tổ chức mà quyền lực của nó có tính bắt buộc đối với mọi người thông qua công cụ pháp luật.

- Nhà nước là công cụ sắc bén nhất của quyền lực chính trị, là tổ chức có sức mạnh cưỡng chế thực hiện những nhiệm vụ mà không có một tổ chức chính trị nào khác ngoài nhà nước có thể thực hiện được, vì nhà nước có bộ máy cưỡng chế như: quân đội, cảnh sát, nhà tù, nắm trong tay các phương tiện vật chất cần thiết.

- Nhà nước là một tổ chức chính trị độc lập có chủ quyền, biểu hiện cao nhất ở quyền tự quyết. Chỉ có nhà nước mới có quyền quyết định các công việc đối nội và đối ngoại một cách độc lập không phụ thuộc vào bất kỳ quyền lực nào khác.

Là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, nhà nước có mối quan hệ qua lại chặt chẽ với các bộ phận khác của kiến trúc thượng tầng như chính trị, pháp luật , khoa học, nghệ thuật, đạo đức, tôn giáo...

## Câu hỏi ôn tập

1. Phân tích nội dung cac học thuyết phi Mác xít bàn về nguồn gốc và bản chất nhà nước.
2. Trình bày nguồn gốc ra đời của nhà nước.
3. Phân tích bản chất của nhà nước.
4. Phân tích vị trí, vai trò của nhà nước trong xã hội có giai cấp.

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

# CHƯƠNG III
# CÁC KIỂU, HÌNH THỨC, CHỨC NĂNG VÀ BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

## I. CÁC KIỂU NHÀ NƯỚC TRONG LỊCH SỬ

### 1. Khái niệm kiểu nhà nước

Kiểu nhà nước là một trong những khái niệm cơ bản của khoa học lý luận chung về nhà nước và pháp luật. Thông qua khái niệm kiểu nhà nước chúng ta có thể nhận thức sâu sắc và lô gích về bản chất và ý nghĩa xã hội của các nhà nước được xếp vào cùng một kiểu.

Nói tới kiểu nhà nước nghĩa là đề cập tới nhà nước là bộ máy thống trị của giai cấp nào, tồn tại trên cơ sở nền tảng kinh tế nào, tương ứng với hình thái kinh tế xã hội nào.

Học thuyết Mác - Lênin về hình thái kinh tế - xã hội là cơ sở khoa học để phân chia các nhà nước trong lịch sử thành các kiểu. Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin đã coi sự thay thế một hình thái kinh tế - xã hội này bằng một hình thái kinh tế - xã hội khác là quá trình lịch sử tự nhiên. Trong lịch sử nhân loại từ khi xuất hiện xã hội có giai cấp đã tồn tại bốn hình thái kinh tế - xã hội: Chiếm hữu nô lệ, Phong kiến, Tư sản và xã hội chủ nghĩa. Tương ứng với bốn hình thái kinh tế xã hội đó, có bốn kiểu nhà nước, đó là:

- Kiểu nhà nước chủ nô
- Kiểu nhà nước phong kiến
- Kiểu nhà nước tư sản
- Kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa

Các kiểu nhà nước: chủ nô, phong kiến và tư sản tuy có những đặc điểm riêng về bản chất, chức năng, vai trò xã hội nhưng đều là nhà nước bóc lột được xây dựng trên nền tảng của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, là công cụ để duy trì và bảo vệ sự thống trị của giai cấp bóc lột đối với đông đảo nhân dân lao động trong xã hội, là nhà nước của thiểu số giai cấp bóc lột. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là kiểu nhà nước mới và là kiểu nhà nước cuối cùng trong lịch sử xã hội loài người, có sứ mệnh lịch sử là hạn chế dần và đi đến xoá bỏ chế độ bóc lột giữa người với người, là nhà nước của đông đảo nhân dân lao động trong xã hội, tiến tới xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng không có áp bức, bóc lột.

Như vậy, các khái niệm chung về nhà nước được cụ thể hoá qua khái niệm kiểu nhà nước, được áp dụng đối với nhà nước của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Khái niệm kiểu nhà nước thể hiện sự thống nhất các đặc trưng cơ bản của các nhà nước có cùng chung bản chất giai cấp và vai trò xã hội cũng như điều kiện tồn tại tương tự của chúng.

Tóm lại: *kiểu nhà nước là tổng thể các đặc trưng (dấu hiệu) cơ bản của nhà nước, thể hiện bản chất giai cấp, vai trò xã hội và những điều kiện phát triển của nhà nước trong một hình thái kinh tế - xã hội nhất định.*

Phạm trù kiểu nhà nước là một phạm trù tổng hợp, cho phép chúng ta nhận thức bản chất, vai trò xã hội, chức năng của nhà nước trong các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, thấy được điều kiện tồn tại và xu hướng phát triển của nhà nước trong lịch sử.

### 2. Sự thay thế các kiểu nhà nước

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Tính tất yếu khách quan của sự thay thế kiểu nhà nước bằng kiểu nhà nước khác trong kiến trúc thượng tầng chính trị - pháp lý là một biểu hiện quan trọng của quy luật phát triển và thay thế các hình thái kinh tế - xã hội do C.Mác và Ph.Ăngghen phát hiện. Quy luật này gắn liền với quy luật phát triển và thay thế của kiểu nhà nước bằng kiểu nhà nước khác: "tới một giai đoạn phát triển nào đó của chúng, các lực lượng sản xuất vật chất của xã hội sẽ mâu thuẫn với những quan hệ sản xuất đó, - mâu thuẫn với những quan hệ sở hữu, trong đó từ trước đến nay các lực lượng sản xuất vẫn phát triển. Từ chỗ là những hình thức phát triển của các lực lượng sản xuất, những quan hệ ấy trở thành những xiềng xích của lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu một thời đại của một cuộc cách mạng xã hội. Cơ sở kinh tế thay đổi thì tất cả các kiến trúc thượng tầng đồ sộ cũng bị đảo lộn ít nhiều nhanh chóng"[1].

Kiểu nhà nước cũ bị thay thế bằng một kiểu nhà nước mới thông qua một cuộc cách mạng xã hội, bởi lẽ giai cấp thống trị cũ đại diện cho quan hệ sản xuất cũ không bao giờ tự nguyện rời bỏ những đặc quyền, đặc lợi mà mình đang có, vì thế giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất mới tiến bộ phải tập trung lực lượng tiến hành cách mạng xã hội đấu tranh với các giai cấp thống trị trước đó. Kiểu nhà nước mới ra đời nghĩa là quyền lực nhà nước đã chuyển giao từ giai tay giai cấp này qua tay giai cấp khác, và do vậy bản chất, vai trò xã hội của nhà nước mới cũng thay đổi so với nhà nước cũ trước đó.

Kiểu nhà nước mới theo quy luật bao giờ cũng tiến bộ hơn so với kiểu nhà nước cũ bởi nó được xây dựng trên một phương thức mới tiến bộ hơn.

Sự thay thế kiểu nhà nước cũ bằng một kiểu nhà nước mới không phải đều diễn ra giống nhau ở mọi nơi, không diễn ra tuần tự, hết kiểu nhà nước này rồi đến kiểu nhà nước khác, mà có thể bỏ qua những kiểu nhà nước nhất định. Điều này do nhiều yếu tố như: hoàn cảnh lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia, bối cảnh quốc tế ... chẳng hạn như nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, vì thế kiểu nhà nước tư sản không tồn tại ở Việt Nam.

## II. CHỨC NĂNG CỦA NHÀ NƯỚC

Bản chất, vai trò của nhà nước được thể hiện trực tiếp trong nhiệm vụ và chức năng của nhà nước, vì thế khi tìm hiểu bản chất của nhà nước, vai trò xã hội của nhà nước phải thông qua việc xem xét các nhiệm vụ và chức năng của nhà nước.

Nhiệm vụ của nhà nước là mục tiêu mà nhà nước hướng tới, là những vấn đề đặt ra mà nhà nước cần giải quyết. Nhiệm vụ của nhà nước tuỳ thuộc vào bản chất và vai trò xã hội của nhà nước, vào điều kiện lịch sử của mỗi quốc gia qua từng giai đoạn cụ thể.

Nhiệm vụ của nhà nước tuỳ thuộc vào nội dung tính chất được chia thành: nhiệm vụ chiến lược lâu dài, nhiệm vụ này hướng tới các mục đích chung, cơ bản: nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện nhiệm vụ chiến lược, lâu dài cần phải có những nhiệm vụ cụ thể trong những khoảng thời gian nhất định, chẳng hạn nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước phục vụ cho công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Chức năng của nhà nước là những phương diện, loại hoạt động cơ bản của nhà nước nhằm thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trước nhà nước.

---

[1] C.Mác - Ph.Ăngghen. Tuyển tập, tập II. NXB Sự thật, Hà Nội, 1981, Tr 637- 638

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Chức năng và nhiệm vụ của nhà nước có mối quan hệ chặt chẽ, mật thiết với nhau. Một nhiệm vụ của nhà nước làm phát sinh một hoặc nhiều chức năng và ngược lại một chức năng của nhà nước có thể nhằm thực hiện một hoặc nhiều nhiệm vụ.

Chức năng của nhà nước được quy định bởi bản chất của nhà nước. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa khác với chức năng của các nhà nước bóc lột ở nội dung và hình thức thực hiện.

Chức năng của nhà nước được thực hiện bởi bộ máy nhà nước. Do đó, khi nghiên cứu về vấn đề này cần phân biệt giữa chức năng của nhà nước và chức năng của cơ quan nhà nước. Chức năng của nhà nước như đã nêu, là những phương diện hoạt động cơ bản của nhà nước mà mỗi cơ quan nhà nước đều phải tham gia thực hiện ở những mức độ khác nhau. Chức năng của cơ quan nhà nước chỉ là những phương diện hoạt động của cơ quan đó nhằm góp phần thực hiện chức năng chung của nhà nước.

Chức năng của nhà nước có nhiều cách phân loại khác nhau. Có thể phân loại chức năng của nhà nước thành: các chức năng đối nội và các chức năng đối ngoại; hoặc thành chức năng cơ bản và các chức năng không cơ bản; hoặc thành các chức năng lâu dài và chức năng tạm thời... Mỗi cách phân loại chức năng có một ý nghĩa lý luận và thực tiễn khác nhau, tuy nhiên trong số các cách phân loại đã nêu ở trên thì thông dụng nhất vẫn là cách phân chức năng nhà nước thành chức năng đối nội và chức năng đối ngoại căn cứ trên cơ sở đối tượng tác động của chức năng.

Chức năng đối nội của nhà nước là những phương diện hoạt động cơ bản của nhà nước trong nội bộ của đất nước.

Chức năng đối ngoại của nhà nước là những hoạt động cơ bản của đất nước với các quốc gia khác, dân tộc khác. Hai nhóm chức năng này có quan hệ mật thiết với nhau, thực hiện tốt các chức năng đối nội ảnh hưởng tốt chức năng đối ngoại, ngược lại, nếu thực hiện tốt chức năng đối ngoại cũng sẽ ảnh hưởng tốt tới việc thực hiện các chức năng đối nội, và cả hai đều hướng tới việc thực hiện những nhiệm vụ của đất nước.

Các chức năng của nhà nước được thực hiện bằng những hình thức và phương pháp nhất định. Nội dung những hình thức và phương pháp ấy bắt nguồn và trực tiếp thể hiện bản chất cũng như mục tiêu của nhà nước.

Các hình thức pháp lý cơ bản để thực hiện chức năng của nhà nước bao gồm: hoạt động lập pháp, hoạt động chấp hành pháp luật và hoạt động xây dựng pháp luật.

Các phương pháp cơ bản để thực hiện chức năng của nhà nước là phương pháp giáo dục, thuyết phục và phương pháp cưỡng chế. Tuỳ thuộc và bản chất của nhà nước mà phương pháp nào được ưu tiên sử dụng, ví dụ: trong nhà nước xã hội chủ nghĩa phương pháp thuyết phục, giáo dục được ưu tiên sử dụng, ngược lại trong các nhà nước bóc lột, phương pháp cưỡng chế được áp dụng phổ biến, rộng rãi.

## III. BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

Bộ máy nhà nước là chủ thể thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của nhà nước. Bộ máy nhà nước là hệ thống các cơ quan nhà nước từ trung ương xuống đến địa phương, tổ chức và hoạt động trên những nguyên tắc chung thống nhất, tạo thành một cơ chế đồng bộ để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của nhà nước.

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Các yếu tố hợp thành bộ máy nhà nước là cơ quan nhà nước. Các cơ quan nhà nước rất đa dạng. Tuy nhiên, thông thường cơ quan nhà nước bao gồm 3 loại: cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp.

Tất cả các cơ quan nhà nước tạo thành bộ máy nhà nước, nhưng bộ máy nhà nước không phải là tập hợp đơn giản các cơ quan nhà nước, mà là hệ thống thống nhất các cơ quan nhà nước. Yếu tố tạo nên sự thống nhất trong bộ máy nhà nước là hệ thống các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Cơ quan nhà nước là một tổ chức có tính độc lập tương đối về mặt tổ chức - cơ cấu, bao gồm những cán bộ, công chức được giao những quyền hạn nhất định để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của cơ quan đó trong phạm vi do pháp luật quy định.

Cơ quan nhà nước có các đặc điểm sau:

- Cơ quan nhà nước là một tổ chức công quyền, có tính độc lập tương đối với các cơ quan nhà nước khác, một tổ chức cơ cấu bao gồm những cán bộ, công chức được giao những nhiệm vụ và quyền hạn nhất định để thực hiện nhiệm vụ và chức năng của nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan nhà nước mang quyền lực nhà nước. Đây là đặc điểm làm cho cơ quan nhà nước khác hẳn với các tổ chức khác. Chỉ có cơ quan nhà nước mới có quyền nhân danh nhà nước thực hiện quyền lực nhà nước, giải quyết những vấn đề quan hệ với công dân. Mỗi cơ quan nhà nước đều có thẩm quyền do pháp luật quy định, đó là tổng thể các quyền và nghĩa vụ pháp lý mà nhà nước trao cho để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ. Yếu tố cơ bản của thẩm quyền là quyền ban hành những văn bản pháp luật có tính bắt buộc chung phải thực hiện đối với những chủ thể liên quan.

- Thẩm quyền của cơ quan nhà nước có những giới hạn về không gian, thời gian và đối tượng chịu sự tác động. Giới hạn này mang tính pháp lý vì nó được pháp luật quy định.

- Mỗi cơ quan nhà nước có hình thức và phương pháp hoạt động riêng do pháp luật quy định.

- Cơ quan nhà nước chỉ hoạt động trong phạm vi thẩm quyền của mình và trong phạm vi đó, nó hoạt động độc lập, chủ động và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình. Cơ quan nhà nước có quyền đồng thời có nghĩa vụ phải thực hiện các quyền của mình. Khi cơ quan nhà nước không thực hiện quyền hoặc từ chối không thực hiện quyền được pháp luật quy định là vi phạm pháp luật.

Mỗi nhà nước, phụ thuộc vào kiểu nhà nước, hình thức chính thể ... nên có cách tổ chức bộ máy nhà nước khác nhau. Bộ máy nhà nước được tổ chức rất đa dạng, phong phú trên thực tế.

## IV. HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC

Hình thức nhà nước là một trong những vấn đề cơ bản của lý luận về nhà nước. Hình thức nhà nước  là yếu tố quan trọng quyết định kết quả thống trị chính trị của giai cấp thống trị.

Hình thức nhà nước là cách thức tổ chức quyền lực nhà nước và những biện pháp để tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước. Hình thức nhà nước là một khái niệm chung được hình thành từ 3 yếu tố: hình thức chính thể, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ chính trị.

### 1. Hình thức chính thể

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

*Hình thức chính thể là cách thức tổ chức các cơ quan quyền lực tối cao của nhà nước, cơ cấu, trình tự thành lập và mối liên hệ giữa chúng và mức độ tham gia của nhân dân vào việc thiết lập các cơ quan này.*

Hình thức chính thể có hai dạng cơ bản là chính thể quân chủ và chính thể cộng hoà.

Chính thể quân chủ là hình thức trong đó quyền lực tối cao của nhà nước tập trung toàn bộ (hay một phần) vào trong tay người đứng đầu nhà nước theo nguyên tắc thừa kế.

Với việc tập trung quyền lực tối cao của nhà nước một phần hay toàn bộ vào trong tay người đứng đầu nhà nước theo nguyên tắc truyền ngôi mà chính thể quân chủ có hai biến dạng: quân chủ tuyệt đối và quân chủ hạn chế. Ở các quốc gia có hình thức chính thể quân chủ tuyệt đối, vua (hoàng đế...) có quyền lực vô hạn, các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp tối cao đều nằm trong tay người đứng đầu nhà nước. Hình thức này chủ yếu tồn tại trong hai kiểu nhà nước đầu tiên là nhà nước chủ nô và nhà nước phong kiến, ví dụ như Nhà nước phong kiến Việt Nam. Trong nhà nước có chính thể quân chủ hạn chế, người đứng đầu nhà nước hình thành bằng con đường truyền ngôi chỉ nắm một phần quyền lực nhà nước tối cao, bên cạnh họ có các cơ quan nhà nước hình thành bằng con đường bầu cử chia sẻ quyền lực nhà nước với họ; ví dụ Nghị viện trong các nhà nước tư sản có chính thể quân chủ nắm quyền lập pháp, Chính phủ tư sản nắm quyền hành pháp và quyền tư pháp thuộc về Toà án tư sản còn nữ hoàng hay quốc vương thông thường chỉ đại diện cho truyền thống và tình đoàn kết dân tộc.

Chính thể cộng hoà là hình hức chính thể trong đó quyền lực tối cao của nhà nước thuộc về những cơ quan đại diện được bầu ra trong một thời hạn nhất định. Chính thể cộng hoà cũng có hai biến dạng là cộng hoà dân chủ và cộng hoà quý tộc. Trong những quốc gia có chính thể cộng hoà dân chủ, quyền tham gia bầu cử để thành lập các cơ quan đại diện được quy định dành cho mọi công dân. Tuy nhiên, để có thể hiểu đúng bản chất của vấn đề cần phải xem xét điều kiện cụ thể để tham gia bầu cử trong từng nhà nước, chẳng hạn như trong nhà nước dân chủ chủ nô, chỉ có giai cấp chủ nô với có quyền công dân, các tầng lớp nhân dân khác, đặc biệt là nô lệ không được công nhận có quyền công dân trong xã hội (Nhà nước ATen). Trong thực tế, giai cấp thống trị của các nhà nước bóc lột thường đặt ra nhiều quy định để hạn chế quyền bầu cử của nhân dân lao động. Trong các quốc gia có hình thức chính thể cộng hoà quý tộc, quyền bầu cử hình thành các cơ quan đại diện chỉ dành cho giai cấp quý tộc (Nhà nước Spác, Nhà nước Lamã ).

Trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể, do ảnh hưởng của nhiều yếu tố như: tương quan giai cấp, truyền thống dân tộc, quan điểm pháp lý, đặc điểm kinh tế - xã hội ... Với sự tác động của các yếu tố này đã làm cho hình thức chính thể của mỗi nhà nước có những điểm khác biệt nhau. Vì thế khi xem xét hình thức chính thể trong một quốc gia cụ thể cần phải xem xét nó một cách toàn diện tất cả những yếu tố có ảnh hưởng đến nó.

**2. Hình thức cấu trúc nhà nước**

*Hình thức cấu trúc nhà nước là sự tổ chức nhà nước thành các đơn vị hành chính lãnh thổ, đặc điểm của mối quan hệ qua lại giữa các bộ phận cấu thành của nó, giữa cơ quan nhà nước trung ương với cơ quan nhà nước địa phương.*